

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 223/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29/4/2022

V/v : Tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm :

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Liên Sơn

Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phạm Thị Bích Hợp

2/ Bà Nguyễn Thị Xuân Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy– Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên Tòa:
Bà Hoàng Thị Hoài Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình, thụ lý số 543/2021/HNGĐ-ST 04/11/2021, về việc: “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXX-ST ngày 22/03/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐ-ST ngày 15/4/2022; Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1952 (Có mặt)

Bị đơn: ông Bùi Canh D, sinh năm 1949 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú tại: số 55 T, phường N, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn ngày 01/11/2021, Bản tự khai ngày 04/11/2021, Biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2021, nguyên đơn là bà Dương Thị T trình bày:

Bà và ông Bùi Canh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày 11/01/1973. Sau kết hôn thời gian đầu ở xã Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội. Đến năm 1975 thì ông bà chuyển về số nhà 55 T, và chung sống ở đó từ 1975 đến nay.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến 1992 thì phát sinh mâu thuẫn, bà không hiểu vì lý do tại sao lúc đó ông D cương quyết đòi ly hôn với bà, ông viết đơn ly hôn với bà 3-4 lần, bà vì nghĩ đến các con nên cố gắng níu kéo, sau

đó bà có đồng ý ly hôn thì ông D lại hòa giải để vợ chồng cùng nhau làm ăn nuôi các con. Tuy nhiên, từ giai đoạn đó vợ chồng bà đã không còn hạnh phúc như trước, cố sống với nhau để nuôi dưỡng các con. Đến năm 2016 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, ông D và bà không phù hợp với nhau về cách sống, ông bà ly thân, ăn riêng, ngủ riêng, kinh tế độc lập, tiền ai người đó tiêu. Hiện ông bà không còn tình cảm, sống với nhau như những người xa lạ. Ông D vẫn nói là đồng ý ly hôn với bà nhưng lại không lên Tòa án. Ông đi sớm về khuya, chi tiêu trong gia đình ông không quan tâm, bà và ông không còn tình cảm, không có tiếng nói chung. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D để bà ổn định cuộc sống và ổn định tinh thần.

Về con chung: Bà và ông D có 03 (ba) con chung tên là Bùi Ngọc T1, sinh ngày 21/7/1973, Bùi H, sinh ngày 19/7/1975, Bùi Thanh T2, sinh ngày 21/7/1979. Nay ly hôn, do cả 03 con chung đều đủ 18 tuổi, đã trưởng thành, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông bà tự thỏa thuận và đã lập vi bằng về vấn đề tài sản

Về công nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Bùi Canh D các thông báo của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo đến Tòa án trình bày, giao nộp chứng cứ, Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng ông Bùi Canh D không đến theo thông báo của Tòa án.

Tại phiên tòa, bà Dương Thị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Bùi Canh D. Bà xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông D không phù hợp với nhau về quan điểm sống và cách sống, bản thân ông D cũng nhiều lần đề nghị ly hôn với bà, ông bà đã ly thân từ lâu, kinh tế độc lập, tiền ai người đó tiêu, bà và ông D không còn tình cảm với nhau, sống với nhau như người xa lạ. Hôn nhân giữa bà và ông D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Bà giữ nguyên quan điểm như tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai cùng các buổi làm việc tại Tòa án. Về con chung: các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông, bà tự thỏa thuận và đã lập vi bằng về vấn đề tài sản

Về công nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; đưa ra quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật:

- Việc thụ lý vụ án “tranh chấp ly hôn” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong quá trình thụ lý vụ án, điều tra xác minh, giao thông báo của Tòa án cho các đương sự. Tài liệu điều tra đã đầy đủ.

- Tại phiên tòa, bị đơn được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa.

- Quá trình giải quyết, ông Bùi Canh D không chấp hành các thông báo của Tòa án.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về tình cảm: xác định hôn nhân giữa bà T và ông D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông bà đã sống ly thân. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình: chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T. Cho bà T ly hôn ông D.

Về con chung: Bà T và ông D có 03 (ba) con chung tên là Bùi Ngọc T1, sinh ngày 21/7/1973, Bùi Hoa, sinh ngày 19/7/1975, Bùi Thanh T2, sinh ngày 21/7/1979. Cả 03 con chung đều đủ 18 tuổi, đã trưởng thành, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung là động sản và bất động sản: không xem xét.

Về án phí: Bà T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Việc bà Dương Thị T làm đơn xin ly hôn ông Bùi Canh D (Trú tại: Số 55 T, phường N, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, ông Bùi Canh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị T: căn cứ vào Giấy đăng ký kết hôn, lời khai của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Dương Thị T, ông Bùi Canh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội ngày 11/01/1973. Số ĐKKH: 402. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: quá trình giải quyết vụ án, ông D không đến Tòa án trình bày, giao nộp tài liệu chứng cứ theo các thông báo của Tòa án. Việc không đến Tòa án theo các thông báo của Tòa án đã thể hiện ông D từ bỏ quyền được trình bày bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa án. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của bà T, tài liệu xác minh tại địa phương để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Xét thấy, lời khai của bà T phù hợp với tài liệu xác minh tại địa phương nơi bà T và ông D chung sống, thể hiện ông bà đã ly thân từ lâu, hôn nhân giữa bà và ông D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị T. Cho bà Dương Thị T ly hôn ông Bùi Canh D.

[2.2] Về con chung: Xác định bà Dương Thị T và ông Bùi Canh D có 03 (ba) con chung tên là Bùi Ngọc T1, sinh ngày 21/7/1973; Bùi Hoa, sinh ngày 19/7/1975; Bùi Thanh T2, sinh ngày 21/7/1979. Cả 03 con chung đều đủ 18 tuổi, đã trưởng thành, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung là động sản và bất động sản: bà Dương Thị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà Dương Thị T được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

[1]Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị T. Cho bà Dương Thị T ly hôn ông Bùi Canh D.

[2]*Về con chung*: Bà Dương Thị T và ông Bùi Canh D có 03 (ba) con chung tên là Bùi Ngọc Thanh- Sinh ngày 21/7/1973; Bùi Hoa- Sinh ngày 19/7/1975; Bùi Thanh Thảo- Sinh ngày 21/7/1979. Cả 03 con chung đều trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]*Về tài sản chung là động sản và bất động sản*: bà Dương Thị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]*Về án phí*: bà Dương Thị T được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Dương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Bùi Canh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND Q. Hai Bà Trưng;
 - UBND xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì
- Thành phố Hà Nội
(ĐKKH số 402 ngày 11/01/1973)
-Lưu hồ sơ.

Hoàng Liên Sơn